

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả,  
tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư - TKV (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100707 lần đầu vào ngày 25/06/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 8 vào ngày 20/07/2015.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND.

#### Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 1.016 người (tại ngày 31/12/2015 là 1.090 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất công nghiệp;
- Kinh doanh thương mại;
- Dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
- Đóng tàu và cấy kiện nổi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Quảng cáo;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả,  
tỉnh Quảng Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)****Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính đặt tại: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Công ty có 01 Chi nhánh và 03 Xí nghiệp trực thuộc:

- Chi nhánh Hà Nội: Địa chỉ tại số 51 ngách 426/20 đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Xí nghiệp Vận tải, Xếp dỡ: Địa chỉ tại Tổ 19 khu Tây Sơn, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả: Địa chỉ tại đường Nguyễn Du, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai: Địa chỉ tại số 170 đường Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được kiểm toán.

**Các bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: Tại ngày 30/06/2016 sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty TNHH MTV Đại Vạn Phú: Tại ngày 30/06/2016 sở hữu 26,25% vốn điều lệ của Công ty;
- Các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, gồm có:
  - Trung tâm Điều hành sản xuất tại Quảng Ninh;
  - Trung tâm cấp cứu Mỏ - Vinacomin;
  - Trường Cao Đẳng Nghề Than - Khoáng Sản Việt Nam;
- Các công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, gồm có:
  - Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin;
  - Công ty Cổ phần Cơ điện Uông Bí - Vinacomin;
  - Công ty Cổ phần Công nghiệp ô tô - TKV;
  - Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Cẩm Phả - TKV;
  - Công ty Cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - TKV;
  - Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;
  - Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin;
  - Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin;
  - Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin;
  - Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin;
  - Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin;
  - Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin;

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**

Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả,  
tỉnh Quảng Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

**Các bên liên quan (Tiếp theo)**

- Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin;
- Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin;
- Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ - TKV;
- Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin;
- Công ty TNHH MTV Than Uông Bí - Vinacomin;
- Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc - Vinacomin;
- Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ - Vinacomin;
- Công ty Than Thống nhất - TKV;
- Công ty Than Khe Chàm - TKV;
- Công ty Than Mạo Khê - TKV;
- Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - Vinacomin;
- Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV;
- Công ty TNHH Than Hạ Long - TKV;
- Công ty TNHH MTV Than Hòn Gai - Vinacomin;
- Công ty Than Quang Hanh - TKV;
- Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin;
- Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;
- Công ty Than Nam Mẫu - TKV;
- Công ty Tuyển Than Hòn Gai - Vinacomin;
- Công ty Tuyển Than Cửa Ông - Vinacomin;
- Công ty Địa chất Mỏ - Vinacomin;
- Công ty Nhiệt điện Na Dương - Vinacomin;
- Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - Vinacomin;
- Công ty Kho vận Hòn Gai - Vinacomin;
- Công ty Kho vận Đá Bác - Vinacomin;
- Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin;
- Công ty Xây dựng Mỏ Hàm Lò 1 - Vinacomin;
- Công ty Xây dựng Mỏ Hàm Lò 2 - Vinacomin;
- Công ty Than Dương Huy - TKV;
- Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê;
- Công ty Cổ phần Vật tư - TKV;
- Công ty TNHH MTV VTVT - ISTACO;
- Công ty TNHH MTV KTKS - ISTACO;
- Xí nghiệp Chế tạo Thiết bị lắp máy và điện;
- Công ty Nhiệt điện Sơn Động - Vinacomin;
- Công ty Nhiệt điện Đông Triều - Vinacomin;
- Công ty Cổ phần Xây lắp Vật liệu Xây dựng và Kinh doanh tổng hợp - VVMI;
- Công ty Mỏ Tuyển Đồng Sin Quyền - Lào Cai.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động giữa niên độ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với sản phẩm dầu nhờn, theo phương pháp nhập trước xuất trước đối với mặt hàng xăng và dầu diesel, và theo phương pháp thực tế đích danh đối với các sản phẩm còn lại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	03 - 15
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước gồm có chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm phương tiện, bảo hiểm cháy nổ phân bổ dưới 1 năm; Chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản được phân bổ một lần vào chi phí khi hoàn thành.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, nhà xưởng tạm và một số công cụ dụng cụ phân bổ có thời hạn từ 1 đến 2 năm, giá trị lợi thế kinh doanh phân bổ với thời gian 3 năm.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả là các khoản chi phí sửa chữa thường xuyên phát sinh năm. Trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc.

**Nguồn vốn**

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của các cổ đông.  
Các quỹ được trích lập theo quy định của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.  
Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và theo Thông tư 200/2014/TT về “ hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	379.812.820	7.570.085.928
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.692.844.374	9.697.132.735
	<u>8.072.657.194</u>	<u>17.267.218.663</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV**Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả,  
tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>650.724.603.268</b>	<b>364.282.688.834</b>
Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	71.505.001.547	63.172.936.274
Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	103.091.375.000	41.498.654.604
Công ty CP than Cao Sơn	161.675.037.827	33.103.485.082
Các đối tượng khác	314.453.188.894	226.507.612.874
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (i)</b>	<b>633.003.730.045</b>	<b>345.874.281.746</b>

**Ghi chú:**

(i) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Phụ biểu 02 - Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (trang số 29).

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.612.678.779	-	7.960.539.317	-
Nguyên liệu, vật liệu	69.791.654.658	-	89.740.737.958	-
Công cụ, dụng cụ	453.726.500	-	214.339.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	457.620.192	-	-	-
Thành phẩm	18.846.304.355	-	20.226.640.694	-
Hàng hoá	95.702.700.875	-	48.402.971.014	(20.145.645)
<b>Tổng cộng</b>	<b>191.864.685.359</b>	<b>-</b>	<b>166.545.227.983</b>	<b>(20.145.645)</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.379.313.383</b>	<b>2.479.626.793</b>
Chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	1.816.402.518	2.046.658.671
Phân bổ công cụ, dụng cụ (dưới 1 năm)	1.231.884.089	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.331.026.776	432.968.122
<b>b) Dài hạn</b>	<b>17.301.963.804</b>	<b>22.641.155.835</b>
Nhà xưởng tạm	1.658.187.504	2.584.563.258
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	9.333.448.805	7.831.940.100
Phân bổ công cụ, dụng cụ (trên 1 năm)	1.415.666.104	3.277.011.236
Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	3.864.661.523	7.729.323.041
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.029.999.868	1.218.318.200



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2016  
 Mua sắm mới  
 Đầu tư XDCB hoàn thành  
 Sửa chữa nâng cấp  
 Thanh lý nhượng bán  
 Tại ngày 30/06/2016

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
	121.760.343.119	91.383.204.207	267.968.915.189	531.573.102	481.644.035.617
	-	4.980.313.358	8.185.592.913	-	13.165.906.271
	3.697.456.050	-	-	-	3.697.456.050
	(973.749.588)	-	2.306.221.167	-	2.306.221.167
	(973.749.588)	-	-	-	(973.749.588)
	<b>124.484.049.581</b>	<b>96.363.517.565</b>	<b>278.460.729.269</b>	<b>531.573.102</b>	<b>499.839.869.517</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2016  
 Khấu hao trong kỳ  
 Thanh lý nhượng bán  
 Tại ngày 30/06/2016

	82.799.930.406	47.599.764.210	222.854.126.013	482.742.638	353.736.563.267
	5.011.120.805	5.839.438.096	9.177.285.051	12.906.618	20.040.750.570
	(784.750.942)	-	-	-	(784.750.942)
	<b>87.026.300.269</b>	<b>53.439.202.306</b>	<b>232.031.411.064</b>	<b>495.649.256</b>	<b>372.992.562.895</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 30/06/2016  
 Tại ngày 01/01/2016

	37.457.749.312	42.924.315.259	46.429.318.205	35.923.846	126.847.306.622
	38.960.412.713	43.783.439.997	45.114.789.176	48.830.464	127.907.472.350

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 của Công ty là 8.044.497.697 VND (tại ngày 01/01/2016 là 1.367.332.593 VND).

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay còn số dư (được trình bày tại Thuyết minh số 13 - Vay và nợ thuế tài chính) tại ngày 30/06/2016 là 132.522.716.520 VND và 78.453.237.221 VND (tại ngày 01/01/2016 là 92.628.527.178 VND và 57.732.040.891 VND).